

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Môn: Phần AVII - Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 10/6/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	8,00	Tám
2	La Thị Biếc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,00	Bảy
3	Lục Thị Chinh	8,00	Tám	39	Lương Văn Ngư	8,00	Tám
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Thang Thị Nguyệt	7,50	Bảy phẩy năm
5	Hoàng Văn Dự	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Trần Đức Nhâm	7,00	Bảy
6	Hoàng Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	La Thị Duyên	8,25	Tám phẩy hai năm	43	Nông Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
8	La Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Ngân Thị Nương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Nông Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Ngô Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lương Thị Gấm	8,25	Tám phẩy hai năm	46	Đàm Văn Quang	7,50	Bảy phẩy năm
11	Nông Thị Hằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	47	Mông Đình Quế	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Hành	7,50	Bảy phẩy năm	48	Chu Thị Quý	8,00	Tám
13	Lương Thị Hạnh	8,25	Tám phẩy hai năm	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bé Thị Hào	8,00	Tám	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,00	Tám
15	Dương Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	8,00	Tám	53	Bé Thị Thê	7,50	Bảy phẩy năm
18	Lương Thị Hợp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	54	Hứa Văn Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
19	Hoàng Văn Huân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Lục Văn Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
20	Đàm Thị Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	56	Hoàng Văn Thóm	5,50	Năm phẩy năm
21	Hoàng Kim Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Lục Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
22	Nông Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Nông Văn Thượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Hứa Quốc Huy	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Hứa Thị Thúy	8,00	Tám
24	Hoàng Bích Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Nông Ngọc Thủy	8,00	Tám
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Hà Phúc Khải	6,75	Sáu phẩy bảy năm	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,50	Bảy phẩy năm
27	Hoàng Thị Khâm	7,25	Bảy phẩy hai năm	63	Lương Thị Tiên	8,00	Tám
28	Nông Đức Khánh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiểm	6,50	Sáu phẩy năm	65	Triệu Thị Tòn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Hoàng Thị Kỳ	6,75	Sáu phẩy bảy năm	66	Hoàng Minh Trọng	7,50	Bảy phẩy năm
31	Sầm Thị Lanh	8,00	Tám	67	Hoàng Đức Trung	7,00	Bảy
32	Đinh Thị Liên	8,25	Tám phẩy hai năm	68	Đàm Thị Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Nông Thị Liễu	8,00	Tám	69	Vi Thị Viện	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Luyện	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Hoàng Thị Yến	7,00	Bảy
35	Nông Thị Ly	7,50	Bảy phẩy năm	71	Ngôn Hải Yến	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	8,25	Tám phẩy hai năm	72	Lý Thị Hoài	8,00	Tám

Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 07 điểm; Điểm 7,00: 04 điểm; Điểm 7,25: 02 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm; Điểm 7,75: 11 điểm; Điểm 8,00: 19 điểm; Điểm 8,25: 07 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa